TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2026
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thảo;

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lê Phương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXX-ST ngày 21/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H,** sinh ngày 21/11/1990; Số CCCD: 030190015391; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về việc nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, giao nộp các tài liệu chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Bùi Thị Ngọc H1, sinh năm 2004 và bà Đặng Thị Thu S, sinh năm 1997; Địa chỉ liên hệ: Số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn B**, sinh ngày 10/6/1990; Số CCCD: 030090013156; ĐKHKTT: Đội 11, thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương -nay là xã K thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: ngách B ngõ A P, phường T, thành phố Hải Phòng.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn trình bày:* Chị và anh Lê

Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại trụ sở UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương - nay là xã H, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không phù hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với sự động viên của gia đình nhưng không được. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 3 năm 2024. Từ đó đến nay, hai người không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 16/9/2010. Hiện cháu Đ đang do anh B chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh B tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Lê Văn B:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh B.

Quan điểm của anh B thông quan bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Văn Đ, sinh ngày 16/9/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 trước khi chị H đi lao động nước ngoài, nguyên nhân là bất đồng quan điểm. Trong thời gian lao động nước ngoài, chị H không quan tâm đến gia đình, kinh tế cũng không gửi về cho anh, sau đó vợ chồng không liên lạc, mỗi người một cuộc sống riêng. Đến cuối năm 2019, chị H về nước, mặc dù chị H sống cùng anh nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị ly hôn nhưng chị H không đồng ý. Đến tháng 3 năm 2024, chị H chuyển ra ngoài sống, từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý, vì trước đây chị H gây khó khăn khi anh muốn ly hôn. Hiện con chung đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Các văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi cho anh về địa chỉ: Số D, ngõ A, P, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương - nay là phường T, thành phố Hải Phòng và anh xin được giải quyết vụ án vắng mặt.

Kết quả xác minh với ông Trịnh Văn B1- Trưởng thôn Kiên Nhuệ, xã H, thành phố Hải Phòng: Anh Lê Văn B và chị Phạm Thị H là vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống cùng bố mẹ anh B, sau đó phát sinh mâu thuẫn, mâu

thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Chị H có thời gian lao động nước ngoài sau đó về nước. Đầu năm 2024, chị H không sống cùng anh B và con.

Kết quả xác minh với Công an phường T thể hiện: anh Lê Văn B không đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại phường T nhưng có ăn ở sinh sống tại địa chỉ ngách B ngõ A P, phường T, thành phố Hải Phòng từ năm 2023 cho đến nay.

Kết quả làm việc với anh Đinh Bá T thể hiện: anh Đinh Bá T có cho anh Lê Văn B thuê nhà tại số D, ngõ A, P, phường T, thành phố Hải Phòng làm nhà kho từ năm 2023 cho đến nay.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và các đương sự. Đề nghị Tòa án cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Lê Văn B. Giao cho anh Lê Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Văn Đ; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết con chung với bị đơn hiện đang thường xuyên sinh sống ở địa chỉ ngách B ngõ A P, phường T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân. Nên vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương- nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt. Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã U, huyện T, tỉnh Hải Dương- nay là

xã H, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/9/2009. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị H và anh B là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Phạm Thị H và anh Lê Văn B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 3/2024, chị H không sống cùng anh B và hai người không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt, anh B không đồng ý ly hôn không phải vợ chồng còn tình cảm. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã kéo dài, sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau để thực hiện các công việc trong gia đình; lý do anh B không đồng ý ly hôn là muốn gây trở ngại cho chị H. Nay, hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc và không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình, có cơ sở được chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh B.

[2.2]. Về nuôi con: Chị H và anh B có 01 con chung tên Lê Văn Đ. Con chung chưa thành niên đang do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng và con có nguyện vọng được ở với bố. Nay, các đương sự đều có quan điểm giao cho anh B trực tiếp nuôi con. Do vậy, giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Văn Đ là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn B.

- Về nuôi con: Giao cho anh Lê Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Văn Đ, sinh ngày 16/9/2010 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn B không yêu cầu chị Phạm Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003038 ngày 06/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Hải Phòng (Chị H đã thi hành xong).

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV 8 – Hải Phòng;*
- *Phòng THA DS KV 8 –Hải Phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hà